

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN NHƠN TRẠCH

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phú Đông	Phú Hội	Phú Hữu	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Thạnh	Vinh Thạnh
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		37.677,89	1.658,55	1.874,97	3.570,36	2.381,62	2.211,98	1.906,72	2.173,70	11.364,99	3.756,69	1.702,01	1.750,54	3.325,76
1	Đất nông nghiệp	NNP	22.401,33	352,64	463,33	2.283,60	1.011,35	1.550,30	1.066,83	1.272,10	7.441,92	2.515,72	931,67	692,16	2.819,72
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.431,06	107,09	183,88	931,73	18,99	440,12	140,64	374,69	106,33	109,45	564,75	16,07	437,32
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	3.256,19	106,04	183,88	931,73	18,99	317,66	139,53	348,89	82,70	109,13	564,75	15,62	437,28
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5.097,84	87,33	52,00	368,22	215,48	800,74	181,27	567,44	464,85	1.254,74	197,42	194,04	714,32
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.876,94	113,23	226,39	815,14	476,08	292,36	721,56	278,26	1.846,07	1.127,67	143,22	431,82	1.405,12
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.170,98	-	-	-	139,99	-	-	-	4.030,99	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.820,31	44,98	0,21	168,51	157,91	16,88	23,35	51,71	993,67	23,85	26,29	50,21	262,73
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,20	-	0,84	-	2,91	0,20	-	-	-	-	-	0,02	0,23
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	15.276,56	1.305,92	1.411,65	1.286,77	1.370,27	661,68	839,88	901,60	3.923,07	1.240,97	770,33	1.058,38	506,04
2.1	Đất quốc phòng	CQP	590,50	6,87	18,29	-	-	39,10	0,88	5,28	72,04	1,00	-	439,38	7,66
2.2	Đất an ninh	CAN	8,46	-	-	-	-	-	3,59	-	1,00	1,92	1,94	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	2.829,87	-	977,61	82,23	634,91	-	488,10	-	36,99	324,15	285,88	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	87,44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	72,07	15,37
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	754,40	163,20	0,48	49,41	1,79	0,55	3,05	2,09	490,23	5,96	0,42	31,66	5,56
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	183,55	-	0,60	6,57	-	45,99	2,29	23,96	1,51	84,71	14,90	2,90	0,12
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,36	-	-	-	0,42	-	0,62	-	2,32	-	-	-	-
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.578,46	196,98	161,48	330,02	263,48	63,02	165,40	49,53	603,03	151,33	149,13	211,17	233,90
	<i>Trong đó:</i>														
	<i>- Đất giao thông</i>	DGT	1.986,05	176,45	135,37	245,59	192,72	46,53	136,15	27,45	480,09	87,93	127,01	166,81	163,93
	<i>- Đất thủy lợi</i>	DTL	159,77	0,65	5,51	9,75	12,11	0,92	6,64	15,19	32,03	37,19	8,56	4,93	26,30

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phú Đông	Phú Hội	Phú Hữu	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Thạnh	Vinh Thạnh
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	42,71	0,27	1,16	27,51	2,37	0,62	1,14	0,96	6,88	0,39	1,00	0,42	-
	- Đất cơ sở y tế	DYT	11,98	5,24	0,34	0,70	0,10	0,22	1,16	0,09	3,72	0,10	0,14	0,05	0,13
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	143,87	10,17	7,07	33,67	23,59	3,87	10,57	2,49	13,23	3,66	6,24	23,37	5,93
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	28,69	-	-	8,05	-	1,22	0,18	-	9,39	-	1,66	8,19	-
	- Đất công trình năng lượng	DNL	75,24	0,26	3,68	0,58	0,02	0,07	0,82	-	43,05	17,32	0,15	3,72	5,55
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2,32	0,06	-	0,01	0,43	0,11	0,46	0,01	1,08	0,03	0,10	0,03	-
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	7,65	-	-	-	5,99	1,66	-	-	-	-	-	-	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,12	-	-	-	-	-	0,08	-	-	0,04	-	-	-
	- Đất cơ sở tôn giáo	TON	34,13	2,00	1,49	2,20	1,64	4,99	3,06	0,28	0,94	0,79	0,91	0,67	15,15
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	79,76	1,64	6,30	1,96	23,96	2,63	5,00	2,86	9,88	3,75	3,21	2,84	15,72
	- Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,01	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,01	-
	- Đất chợ	DCH	6,05	0,23	0,55	-	0,44	0,17	0,13	0,19	2,73	0,14	0,15	0,13	1,18
	- Đất công trình công cộng khác	DHK	0,11				0,11	-							-
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,87	0,09	0,12	0,18	2,19	0,13	0,14	0,16	0,25	0,04	0,30	0,06	0,19
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	311,00	154,91	5,38	74,57	3,98	-	7,98	-	0,11	0,88	1,76	58,40	3,04
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.844,38	249,39	-	235,75	244,50	80,27	117,83	69,27	259,22	76,16	175,71	190,84	145,44
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	231,90	-	231,90	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,40	0,22	0,22	1,53	0,29	0,69	5,35	0,44	3,76	0,26	0,84	0,31	0,51
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	27,25	6,27	0,68	1,24	15,17	-	2,20	-	1,28	-	0,10	0,30	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,42	0,31	2,41	1,00	2,34	0,74	1,72	0,77	3,10	0,40	1,85	1,15	0,64
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	5.743,99	494,15	12,49	504,26	201,20	431,20	40,72	750,09	2.437,20	591,41	137,51	50,13	93,62
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	47,32	33,53	-	-	-	-	-	-	11,04	2,75	-	-	-
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN NHƠN TRẠCH PHÂN BỐ THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Đông	Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thạnh
I	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		37.677,89	1.658,55	1.874,97	3.570,36	2.381,62	11.364,99	3.756,69	1.702,01	2.211,98	2.173,70	1.906,72	1.750,54	3.325,76
1	Đất nông nghiệp	NNP	21.079,29	198,47	441,78	2.142,92	994,19	7.279,50	2.146,05	806,77	1.544,86	1.192,48	1.040,53	592,97	2.698,78
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.930,88	28,42	179,32	866,40	10,93	75,23	30,98	457,83	439,34	313,20	140,50	11,68	377,05
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.767,73</i>	<i>28,14</i>	<i>179,32</i>	<i>866,40</i>	<i>10,93</i>	<i>61,44</i>	<i>30,99</i>	<i>457,83</i>	<i>317,66</i>	<i>287,40</i>	<i>139,39</i>	<i>11,23</i>	<i>377,01</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.778,60	83,86	49,52	354,54	214,92	443,89	1.040,85	190,45	799,31	564,61	171,66	175,10	689,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.435,21	47,65	211,90	763,95	467,54	1.766,55	1.055,74	133,48	289,13	264,67	705,01	357,24	1.372,33
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.160,09	-	-	-	139,99	4.020,10	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.770,31	38,53	0,19	158,03	157,91	973,72	18,47	25,02	16,88	50,00	23,35	48,93	259,27
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,20	-	0,84	-	2,91	-	-	-	0,20	-	-	0,02	0,23
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	16.598,60	1.460,09	1.433,20	1.427,45	1.387,43	4.085,49	1.610,64	895,23	667,12	981,22	866,18	1.157,57	626,98
2.1	Đất quốc phòng	CQP	590,50	6,87	18,29	-	-	72,04	1,00	-	39,10	5,28	0,88	439,38	7,66
2.2	Đất an ninh	CAN	8,46	-	-	-	-	1,00	1,92	1,94	-	-	3,59	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	3.155,33	-	977,61	82,23	634,91	36,99	649,61	285,88	-	-	488,10	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	87,44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	72,07	15,37
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	778,85	187,03	0,48	49,85	1,79	490,23	5,96	0,42	0,55	2,09	3,23	31,66	5,56
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	180,55	-	0,60	6,57	-	1,51	83,04	14,90	45,99	23,96	1,08	2,90	(0,00)
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	2,74	-	-	-	0,42	2,32	-	-	-	-	0,00	-	-
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.388,05	229,11	175,35	439,76	282,36	737,62	211,76	286,36	68,72	87,49	183,14	321,63	364,75
	<i>Trong đó:</i>														
	<i>- Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>2.619,71</i>	<i>208,90</i>	<i>145,36</i>	<i>337,14</i>	<i>205,87</i>	<i>609,20</i>	<i>147,58</i>	<i>130,72</i>	<i>52,23</i>	<i>67,15</i>	<i>142,85</i>	<i>278,15</i>	<i>294,55</i>
	<i>- Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>164,03</i>	<i>0,65</i>	<i>9,78</i>	<i>9,65</i>	<i>15,35</i>	<i>32,03</i>	<i>36,01</i>	<i>8,43</i>	<i>0,92</i>	<i>14,56</i>	<i>6,61</i>	<i>4,18</i>	<i>25,87</i>
	<i>- Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>47,28</i>	<i>0,27</i>	<i>1,16</i>	<i>27,51</i>	<i>2,37</i>	<i>6,88</i>	<i>0,39</i>	<i>1,00</i>	<i>0,62</i>	<i>0,96</i>	<i>5,55</i>	<i>0,09</i>	<i>0,49</i>
	<i>- Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>17,33</i>	<i>5,24</i>	<i>0,34</i>	<i>1,06</i>	<i>0,10</i>	<i>8,72</i>	<i>0,10</i>	<i>0,14</i>	<i>0,22</i>	<i>0,09</i>	<i>1,16</i>	<i>0,04</i>	<i>0,13</i>
	<i>- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>298,25</i>	<i>10,17</i>	<i>6,26</i>	<i>51,38</i>	<i>25,75</i>	<i>13,44</i>	<i>3,66</i>	<i>139,79</i>	<i>3,87</i>	<i>2,49</i>	<i>12,15</i>	<i>23,35</i>	<i>5,93</i>
	<i>- Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>28,69</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>8,05</i>	<i>-</i>	<i>9,39</i>	<i>-</i>	<i>1,66</i>	<i>1,22</i>	<i>-</i>	<i>0,18</i>	<i>8,19</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>83,86</i>	<i>0,06</i>	<i>4,10</i>	<i>0,76</i>	<i>0,02</i>	<i>43,74</i>	<i>19,38</i>	<i>0,35</i>	<i>0,07</i>	<i>-</i>	<i>5,06</i>	<i>3,95</i>	<i>6,35</i>
	<i>- Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>2,32</i>	<i>0,06</i>	<i>-</i>	<i>0,01</i>	<i>0,43</i>	<i>1,08</i>	<i>0,03</i>	<i>0,10</i>	<i>0,11</i>	<i>0,01</i>	<i>0,46</i>	<i>0,03</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>7,65</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>5,99</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1,66</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>0,45</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,33</i>	<i>-</i>	<i>0,04</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,08</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>34,13</i>	<i>2,00</i>	<i>1,49</i>	<i>2,20</i>	<i>1,64</i>	<i>0,94</i>	<i>0,79</i>	<i>0,91</i>	<i>4,99</i>	<i>0,28</i>	<i>3,06</i>	<i>0,67</i>	<i>15,15</i>
	<i>- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang</i>	<i>NTD</i>	<i>77,20</i>	<i>1,52</i>	<i>6,30</i>	<i>1,96</i>	<i>23,96</i>	<i>9,46</i>	<i>3,65</i>	<i>3,12</i>	<i>2,63</i>	<i>1,75</i>	<i>4,91</i>	<i>2,84</i>	<i>15,09</i>
	<i>- Đất cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>0,01</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,01</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>6,09</i>	<i>0,23</i>	<i>0,55</i>	<i>0,04</i>	<i>0,44</i>	<i>2,73</i>	<i>0,14</i>	<i>0,15</i>	<i>0,17</i>	<i>0,19</i>	<i>0,13</i>	<i>0,13</i>	<i>1,18</i>

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Đông	Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thanh
	- Đất công trình công cộng khác	DHK	1,04	-	-	-	0,11	-	-	-	-	-	0,93	-	-
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,87	0,09	0,12	0,18	2,19	0,25	0,04	0,30	0,13	0,16	0,14	0,06	0,19
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	320,52	154,91	5,38	83,89	3,98	0,11	0,88	1,76	-	-	8,18	58,40	3,04
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.069,57	352,86	-	268,48	244,45	298,14	75,55	184,10	80,01	118,95	127,84	179,85	139,34
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	241,32	-	241,32	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,40	0,22	0,22	1,53	0,29	3,76	0,26	0,84	0,69	0,44	5,35	0,31	0,51
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	28,00	6,27	0,68	1,92	15,17	1,28	0,07	0,10	-	-	2,20	0,30	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,39	0,31	2,40	1,00	2,34	3,10	0,40	1,85	0,74	0,77	1,72	1,15	0,62
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	5.665,30	488,89	10,75	492,03	199,53	2.426,11	577,40	116,79	431,20	742,07	40,72	49,85	89,95
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	47,32	33,53	-	-	-	11,04	2,75	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu 03/CH

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 THEO LOẠI ĐẤT HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Đông	Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thanh
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		1.322,04	154,17	21,55	140,68	17,16	162,42	369,67	124,90	5,44	79,62	26,30	99,19	120,94
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	500,08	78,67	4,56	65,33	8,06	31,10	78,47	106,92	0,78	61,39	0,14	4,39	60,27
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>488,36</i>	<i>77,90</i>	<i>4,56</i>	<i>65,33</i>	<i>8,06</i>	<i>21,26</i>	<i>78,14</i>	<i>106,92</i>	<i>-</i>	<i>61,39</i>	<i>0,14</i>	<i>4,39</i>	<i>60,27</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	319,24	3,47	2,48	13,68	0,56	20,96	213,89	6,97	1,43	2,83	9,61	18,94	24,42
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	441,83	65,58	14,49	51,19	8,54	79,52	71,93	9,74	3,23	13,69	16,55	74,58	32,79
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	10,89	-	-	-	-	10,89	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	50,00	6,45	0,02	10,48	-	19,95	5,38	1,27	-	1,71	-	1,28	3,46
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	0,10	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>														
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	0,10	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT													

Biểu 04/CH

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2025 HUYỆN NHƠN TRẠCH PHÂN BỐ THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Đông	Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thạnh
1	Đất nông nghiệp	NNP	940,87	124,19	9,86	122,31	13,61	117,10	262,08	13,87	5,36	34,05	19,92	98,67	119,85
1.1	Đất trồng lúa	LUA	276,88	64,82	4,56	52,46	8,06	30,94	24,47	4,19	0,78	22,12	0,14	4,39	59,95
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>265,77</i>	<i>64,66</i>	<i>4,56</i>	<i>52,46</i>	<i>8,06</i>	<i>21,10</i>	<i>24,14</i>	<i>4,19</i>	<i>-</i>	<i>22,12</i>	<i>0,14</i>	<i>4,39</i>	<i>59,95</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	268,03	3,42	2,37	13,29	0,54	17,46	173,28	6,60	1,35	2,75	3,86	18,94	24,17
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	340,61	50,21	2,91	46,25	5,01	37,86	61,92	3,05	3,23	7,92	15,92	74,06	32,27
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	10,89	-	-	-	-	10,89	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	44,46	5,74	0,02	10,31	-	19,95	2,41	0,03	-	1,26	-	1,28	3,46
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	105,39	6,56	11,53	14,55	2,19	12,91	14,45	1,26	0,34	6,37	3,07	17,75	14,41
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,00	-	-	-	-	-	1,67	-	-	-	1,21	-	0,12
2.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,62	-	-
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	27,68	0,35	9,20	2,23	0,45	0,42	1,66	0,10	-	2,41	1,19	5,77	3,90
	<i>- Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>12,48</i>	<i>0,09</i>	<i>0,43</i>	<i>2,13</i>	<i>0,45</i>	<i>-</i>	<i>0,38</i>	<i>0,01</i>	<i>-</i>	<i>0,72</i>	<i>0,86</i>	<i>4,57</i>	<i>2,84</i>
	<i>- Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>11,89</i>	<i>-</i>	<i>8,77</i>	<i>0,10</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1,18</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,63</i>	<i>0,03</i>	<i>0,75</i>	<i>0,43</i>
	<i>- Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>0,41</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,41</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>0,01</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,01</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>0,24</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,21</i>	<i>0,03</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,20</i>	<i>0,20</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>2,45</i>	<i>0,06</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,42</i>	<i>0,10</i>	<i>0,09</i>	<i>-</i>	<i>1,06</i>	<i>0,09</i>	<i>-</i>	<i>0,63</i>
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	26,26	3,03	-	0,89	0,07	1,40	0,61	1,07	0,34	0,40	0,05	11,70	6,70

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Đông	Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thanh
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT	0,59	-	0,59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,02	-	0,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,02
2.7	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	47,18	3,18	1,74	11,43	1,67	11,09	10,47	0,09	-	3,56	-	0,28	3,67

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN NHƠN TRẠCH (Lấy ý kiến)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
I	Công trình chuyển tiếp năm 2024									
A	Dự án đã có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ									
1	Khu công nghiệp Ông Kèo	531,70		531,70	Phước Khánh	2015	x		Dự án còn 206,7ha Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường. Phần diện tích còn lại đã hoàn thành công tác bồi thường và chủ đầu tư đã thỏa thuận để lập thủ tục thuê đất theo quy định. (Kiểm tra phần diện tích 14,7 ha theo VB số 723/CV-TCT ngày 11/11/2024 của Tổng công ty Tín Nghĩa	Diện tích hiện trạng 324,15 ha. Tổng Công ty Tín Nghĩa đăng ký bổ sung diện tích 325 ha. KH năm 2023 duyệt là 206,7 ha
2	Dự án Đường cao tốc Bến Lức - Long Thành (bổ sung phục vụ thi công cải tạo kênh N14 và tuyến kênh Bàu Bông - Mương Dừa)	5,06		5,06	Phước Khánh, Phước An	2022	x		Dự án đã hoàn thành công tác thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ.	
3	Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức)	160,99			Vĩnh Thanh, Phước An	2015	x		Đã hoàn thành công tác bồi thường, bổ sung kế hoạch để lập thủ tục giao đất	
B	Dự án đã được xác định trong kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục chưa có quyết định thu hồi hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất									
4	Đường số 2 (đoạn từ đường ranh khu tái định cư Phước Thiện đến đường Trần Phú)	1,12		1,12	Phước Thiện	2022	x	18/2021	-Nghị Quyết số 95/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của HĐND huyện về phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C có thu hồi đất (có dự án đường số 2, tiến độ: 2021-2025). Hiện Ban Quản lý dự án đang chờ bố trí vốn để lập thủ tục triển khai thực hiện dự án	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
5	Đường số 3 (giai đoạn 1) đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường số 1	0,78		0,78	Phước Thiện	2023	x	26/2022	- Quyết định 3392/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt dự án đầu tư - Quyết định số 780/QĐ - UBND ngày 09/03/2021 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện đối với dự án Đường số 3 (giai đoạn 1) đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường số 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch. - UBND huyện ban hành Thông báo THĐ số 219-258/TB-THĐ ngày 08/3/2024 đối với 39 hộ dân. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất	
6	Đường số 7 (đoạn từ đường KCN V đến đường Nguyễn Ái Quốc) giai đoạn 1	20,68		20,68	Vĩnh Thanh, Phước An	2022	x	18/2021	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 417-631/TB-UBND ngày 7/4/2023 đối với 215 hộ. Hiện Trung tâm Phát triển quy đất đang kiểm kê hiện trạng lập các thủ tục bồi thường, thu hồi đất dự án.	
7	Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C)	16,42		16,42	Phước Thiện, Hiệp Phước, Long Thọ	2022BS	x	01/2022 bs	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 147-396/TB-UBND ngày 28/3/2023 đối với 250 hộ. Hiện Trung tâm Phát triển quy đất đang lập các thủ tục bồi thường, thu hồi đất dự án.	
8	Trường THPT Phước Thiện	1,7			Phước Thiện	2023	x	19/2022	Dự án được UBND huyện ban hành Thông báo THĐ từ số 713 đến 733/TB-UBND ngày 23/7/2024 đối với 21 hộ dân. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất	
9	Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	5,00			Phước An	2022BS	x		Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 về việc Phê duyệt dự án Xây mới Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch của UBND tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn tại Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	Sở Y tế đăng ký chuyển tiếp; Báo cáo số 331/BC-PYT ngày 14/10/2024 của Phòng Y tế

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
10	Nâng cấp mở rộng đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Quốc lộ 51	87,60			Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	2017	x	18/2021	Ngày 20/4/2023 Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh có VB số 260/BQLDACTGT-QLDA3 triển khai thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án. - Ban QLDA đang triển khai công tác khảo sát, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công dự án, Ban QLDA sẽ bàn giao cho UBND huyện hồ sơ thiết kế, ranh GPMB, tìm mốc ngoài thực địa làm cơ sở cho đơn vị đo vẽ lập bản đồ THĐ và bồi thường giải phóng mặt bằng.	BQLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông đăng ký thực hiện KH2024
11	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	2,69			Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2017	x	166/2015bs	Dự án được UBND huyện ban hành Thông báo THĐ số 393-467; 470-560 ngày 30/8/2022 đối với 166 hộ dân. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất	
12	Đường 25C đoạn từ Hùng Vương tại xã Long Thọ đến Quốc lộ 51 huyện Long Thành	10,00			Long Thọ	2020	x	196/2019	- UBND tỉnh ban hành quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 phê duyệt dự án - UBND tỉnh ban hành quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 phê duyệt điều chỉnh dự án Hiện Ban quản lý dự án tỉnh đang lập hồ sơ đo vẽ bản đồ và triển khai công tác bồi thường	Chủ đầu tư đăng ký chuyển tiếp KH 2024
C	Dự án đã được xác định trong kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục đã có quyết định thu hồi hoặc được phép chuyển mục đích sử dụng đất									
13	Đường Liên cảng (GD1)	51,2		51,2	Phú Hữu, Phú Đông	2023	x	26/2022	- Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án. - Nghị Quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22/9/2022 của HĐND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án. - Quyết định số 3027/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án xây dựng đường Liên cảng. - Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục đo vẽ bản đồ thu hồi đất dự án	
14	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ khu trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quách Thị Trang) (đường 25B)	29,00		29,00	Phú Hội, Long Tân, Phú Thạnh	2022	x	18/2021	Dự án đã được UBND huyện ban hành quyết định số 6041/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, 561/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 và 6329/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 phê duyệt phương án bồi thường đối với 103/106 hộ, đến nay đã chi trả tiền bồi thường hỗ trợ 50/106 hộ, còn lại 53 hộ chưa nhận tiền.	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
15	Đường Lê Hồng Phong nối dài	5,3		5,3	Phước An, Long Thọ	2022	x	18/2021	Dự án đã được UBND huyện ban hành quyết định số 4386/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 phê duyệt phương án bồi thường đối với 33 hộ diện tích 5,3ha, đến nay đã chi trả tiền bồi thường được 32/33 hộ, còn lại 01 hộ chưa nhận bồi thường hỗ trợ.	
16	Lộ ra 110kV trạm 220kV An Phước	0,14			Hiệp Phước	2021	x	24/2020	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 135 đến 140/TB-UBND ngày 28/3/2022, đến ngày 25/12/2023 UBND huyện ban hành Quyết định số 5922/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 08 hộ, diện tích 0,14ha đến nay đã xác nhận hoàn thành công tác bồi thường tại Văn bản số 9236/UBND-TN ngày 30/10/2024 của UBND huyện.	Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai đăng ký KH 2024
17	Dự án Nghĩa trang Long Thọ	8,841			Long Thọ	2022	x		Đã hoàn thành công tác bồi thường, được xác nhận hoàn thành công tác bồi thường tại Văn bản số 2720/UBND-TN ngày 13/4/2021 của UBND huyện - Giao đất đợt 1 với diện tích 11,6ha tại Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 17/4/2017, còn lại 9,1ha công ty đang xin giao đất	
18	Dự án nhà ở xã hội (VT1)	4,2			Long Thọ	2022	x		Ngày 14/12/2022 UBND huyện có Tờ trình số 253/TTr-UBND kiến nghị UBND tỉnh, Sở KHĐT chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. UBND huyện đang lập thủ tục đề cấp chứng nhận đầu tư theo quy định	
19	Dự án nhà ở xã hội (VT2)	4,05			Phước An	2022	x		Ngày 14/12/2022 UBND huyện có Tờ trình số 252/TTr-UBND kiến nghị UBND tỉnh, Sở KHĐT chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. UBND huyện đang lập thủ tục đề cấp chứng nhận đầu tư theo quy định	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
20	Khu dân cư theo Quy hoạch tại xã Phước Thiện (Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Sài Gòn)	9,53		9,53	Phước Thiện	2021	x		Quyết định số 1283/QĐ.CT.UBT ngày 26/4/2004 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm. - Văn bản số 1821/UBND-CNN ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư. Tổng diện tích dự án 52,93 ha Dự án được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất tại Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 04/5/2010 (đợt 1) với diện tích 268.208,8m ² và giao đất tại Quyết định số 3680/QĐ-UBND ngày 30/12/2010 với diện tích 165.822,2m ² (đợt 2). Phần diện tích còn lại khoảng 9,53ha đã được xác nhận hoàn thành công tác bồi thường tại Văn bản số 2920/UBND-TN ngày 19/4/2021 của UBND huyện.	Đang trình HĐND thông qua danh mục đất trồng lúa. Văn bản số 33/CV-HTSG ngày 16/11/2024 vv đăng ký nhu cầu chuyển tiếp dự án
21	Trụ sở làm việc Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai	0,07			Phước Khánh	2022	x	18/2021	Dự án đã được UBND huyện ban hành quyết định số 3656/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 phê duyệt phương án bồi thường đối với 04 hộ với diện tích 0,7ha, đến nay đã chi trả tiền bồi thường hỗ trợ 3/4 hộ, còn lại 01 hộ chưa nhận tiền.	
22	Đường vành đai 3 TP Hồ Chí Minh (giai đoạn 1A)	49,40			Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	2017	x		Dự án được UBND tỉnh ban hành thông báo thu hồi đất số 1812/TB-UBND ngày 3/3/2017. - UBND huyện ban hành Quyết định số 6449/QĐ-UBND ngày 24/9/2018, số 2742/QĐ-UBND ngày 13/9/2023, số 3456/QĐ-UBND ngày 21/10/2023 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với 468 hộ, đến nay đã chi trả tiền được 429/468 hộ, còn lại 39 hộ chưa nhận tiền.	
	Đường vành đai 3 TP Hồ Chí Minh (dự án thành phần 4)	77,14			Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	2017	x		- UBND huyện ban hành quyết định số 4909/QĐ-UBND ngày 24/12/2023, Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 08/5/2024, Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 15/5/2024, Quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 04/7/2024, Quyết định số 4486/QĐ-UBND ngày 12/7/2024, Quyết định số 5216/QĐ-UBND ngày 31/7/2024, Quyết định số 5266/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với 798 hộ, đến nay đã chi trả tiền được 637/798 hộ, còn lại 161 hộ chưa nhận tiền.	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghi quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
23	Đường 25C (bao gồm cả đoạn từ Hùng Vương tại xã Long Thọ đến đường Liên cảng)	149,70			Vĩnh Thanh, Phú Thạnh Long Tân, Hiệp Phước, Phú Hội, Phước Khánh	2018	x	18/2021	25C đoạn từ HL19 Long Thọ đến Đường số 2: Đã hoàn thành công tác bồi thường, xây dựng đưa và sử dụng. - 25C đoạn Đường số 2 đến HL 19 Vĩnh Thanh: UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5209/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 (đợt 1), Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 (đợt 2), Quyết định số 5330/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 (đợt 3) tổng số 454 trường hợp (có 05 tổ chức) với diện tích 63,7ha. Đến nay, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện đã chi trả tiền được 434/454 trường hợp (có 04 đất công và 01 tổ chức); còn lại 20 hộ chưa nhận tiền. - 25C đoạn HL 19 Vĩnh Thanh đến đường Liên cảng: Ban Quản lý đầu tư xây dựng tỉnh đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án	
24	Trạm biến áp 220 KV An Phước	0,28			Hiệp Phước	2017	x	57/2017b	Dự án đã được UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất từ số 720-723/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 719/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 diện tích 0.277ha với 03 hộ. Đã hoàn thành công tác bồi thường và bàn giao chủ đầu tư.	
67	Mở rộng trường THCS Phú Hội	0,70			Phú Hội	2018bs	x	113/2018	UBND huyện ban hành Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 321/7/2022 phê duyệt phương án bồi thường đối với 07 hộ, đến nay dự án đã hoàn thành công tác bồi thường và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thi công dự án	Đang xây dựng
25	Đường vào khu dân cư Sen Việt	1,47			Phú Hữu	2017	x	128/2014	- Thông báo thu hồi đất từ số 90/TB-UBND đến số 128/TB-UBND ngày 18/03/2019 của UBND huyện. - Dự án được UBND huyện ban hành quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 phê duyệt phương án bồi thường đối với 61 hộ, diện tích 1,47ha. Hiện đang chi trả tiền bồi thường dự án. Tiến độ: tháng 8/2024	Chủ đầu tư đăng ký chuyển tiếp KH 2024
D	Dự án đã được xác định trong kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất đủ điều kiện chuyển tiếp									

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
26	Đường vào khu công nghiệp Ông Kèo	34,15		34,15	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	2024			Đường vào khu công nghiệp Ông Kèo được (giai đoạn 1) điều chỉnh theo QĐ số 523/QĐ - UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh. Nghị quyết số 27/NQ-UBND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh, quy mô tuyến đường được điều chỉnh giảm còn 5,5 km nên diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án còn khoảng 34,15ha. Về công tác thu hồi đất: đã hoàn thành công tác đo vẽ bản đồ thu hồi đất, hiện Trung tâm phát triển quỹ đất đang xây dựng kế hoạch công bố dự án và ban hành Thông báo thu hồi đất theo Luật đất đai năm 2024	
27	Khu tái định cư Hiệp Phước	9,75		9,75	Hiệp Phước	2024		01/2023	Dự án được UBND huyện ban hành Quyết định số 5025/QĐ-UBND ngày 09/8/2018, số 5535/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 và số 5759/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về phê duyệt phương án bồi thường đối với 126 hộ. Đến nay đã chi trả tiền bồi thường 45/126 hộ, còn lại 81 hộ chưa nhận tiền bồi thường. Còn lại 0,97 ha chưa ban hành Quyết định thu hồi đất. Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023. Bổ sung kế hoạch sử dụng đất làm cơ sở thu hồi và bồi thường.	
28	Tuyến ống cấp nước từ QL 51 đến KCN 6	0,38	0,38		Long Thọ	2024			Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất từ số 664/TB-UBND đến số 690/TB-UBND ngày 17/7/2024 đối với 36 hộ, hiện đang lập thủ tục bồi thường, hỗ trợ.	Đủ điều kiện, đang trình HĐND thông qua danh mục đất trồng lúa, đề xuất chuyển tiếp
29	Khu dân cư tại xã Long Tân và xã Phú Hội (Công ty Cổ phần Đầu tư PV II)	9,99	-	9,99	Long Tân, Phú Hội	2024			Đã được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích 7,84 ha đã cho phép chuyển mục đích, phần diện tích còn lại đã được UBND huyện Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 7566/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 đối với 14 hộ và giao đất đợt 2 tại Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
30	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty TNHH Hai Dung)	22,75	-	22,75	Đại Phước	2024			Giấy CNĐT số 47121000196 ngày 26/3/2009, thay đổi lần thứ nhất ngày 22/7/2014, cấp quyết định Điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai; điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 đến năm 2026 UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích tại Quyết định 3885/QĐ-UBND ngày 18/12/2009 và Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 với diện tích 32,5ha. UBND huyện đã phê duyệt phương án bồi thường với diện tích 21,36 ha tại Quyết định số 5009/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 và ban hành Quyết định thu hồi đất số 5010-5058/QĐ-UBND. Đang tiến hành chi trả tiền bồi thường và lập thủ tục giao đất, cho thuê đất.	Công ty TNHH Hai Dung đăng ký chuyển tiếp KH 2025 tại văn bản số 70/2024/CV-HD ngày 01/11/2024
31	Khu dân cư đô thị tại xã Đại Phước (Công ty Cổ phần Địa ốc Bảo Cường)	9,65	-	9,65	Đại Phước	2024			Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 2198/UBND-CNN ngày 11/6/2014, điều chỉnh lần 1 tại Văn bản số 805/UBND-KTN ngày 31/01/2020; điều chỉnh lần 2 tại Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 Đã phê duyệt phương án bồi thường với diện tích 91,817.5m ² tại QĐ số 2887/QĐ-UBND ngày 4/8/2020 của UBND huyện. Đã hoàn thành công tác bồi thường. Chủ đầu tư đang làm thủ tục giao đất. Tiến độ thực hiện tháng 4/2025 Đã hoàn thành công tác bồi thường. Chủ đầu tư đang làm thủ tục giao đất.	Đủ điều kiện, đang trình HĐND thông qua danh mi=ục đất trồng lúa
32	Trạm trung chuyển rác xã Long Thọ	0,33			Long Thọ	2024			Dự án Trạm trung chuyển rác xã Long Thọ được UBND huyện Nhơn Trạch phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 22/6/2022. Đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý. Bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2024 làm cơ sở triển khai thực hiện.	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghi quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
33	Bến thủy nội địa Phước Khánh (HTX Đóng tàu xà lan Nhơn Trạch)	14,65		14,65	Phước Khánh	2024			Dự án được điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1091/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh, đã hoàn thành kiểm kê hiện trạng nhưng chưa hoàn chỉnh phương án bồi thường, do đó chưa thực hiện thủ tục xin thuê đất. Tiến độ thực hiện đến hết 2023 và hiện nay đang xin điều chỉnh chủ trương đầu tư. Có 5,49 ha đất trồng lúa cần chuyển mục đích theo văn bản đăng ký nhu cầu số 27/2024/CV-HTX ngày 15/11/2024 của HTX Đóng tàu xà lan Nhơn Trạch.	Đăng ký chuyển tiếp KH 2025
34	Cầu Phước An, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BRVT và huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	11,43		11,43	Phước An	2022B S; 2024B S diện tích tăng thêm 2,92 ha		01/2022 bs; NQ số 15/2024 /NQ-HĐND ngày 15/10/2024	Dự án đã được UBND huyện ban hành quyết định số 5901/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 phê duyệt phương án bồi thường đối với 01 tổ chức Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành với diện tích 3,81ha, đến nay đã hoàn thành công tác chi trả tiền bồi thường hỗ trợ.	Dự án đã có trong kế hoạch 2024, bổ sung diện tích thu hồi 2,92 ha
35	Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	0,90			Phước Khánh	2024BS		24/2020 ; NQ số 15/2024 /NQ-HĐND ngày 15/10/2024	- Quyết định số 1497/QĐ-EVNNPT ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia Phê duyệt Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKKT, DT) Công trình Đường dây 500kV NMĐ Nhơn Trạch 4 - rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè. - Dự án được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất từ số 1945/TB-UBND đến số 1949/TB-UBND ngày 11/9/2023 đối với 05 hộ, hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất	BQLDA các công trình điện miền nam đăng ký chuyển tiếp KH 2024. Diện tích đi62u chỉnh 0,8ha
36	DZ 220kV đấu nối NMĐ Nhơn Trạch 3 -TBA 500kV Long Thành	2,78			Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Phước An, Hiệp Phước, Long Tân, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thiềm	2024BS		24/2020 ; NQ số 15/2024 /NQ-HĐND và NQ số 42/NQ-HĐND ngày 15/10/2024	Quyết định số 1495/QĐ-EVNNPT ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia Phê duyệt Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKKT, DT) Công trình Đường dây 220KV NMĐ Nhơn Trạch 3 - TBA 500 KV Long Thành. - Dự án được UBND huyện ban hành Thông báo từ số 2081/TB-UBND đến số 2114/TB-UBND ngày 19/10/2023 đối với 34 hộ, hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất	Dự án có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (diện tích 04ha) nhưng chỉ phù hợp quy hoạch một phần, Điều chỉnh diện tích và hướng tuyến theo NQ hội đồng nhân dân thông qua phù hợp với diện tích thực tế thu hồi của dự án

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
37	Trạm 220KV KCN Nhơn Trạch và đường dây đầu nối	3,6		3,6	Phú Hội	2024BS			<p>(1) Văn bản số 13032/UBND-KTN ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh về việc thống nhất địa điểm và hướng tuyến kèm theo các bản vẽ về việc thoả thuận vị trí Trạm biến áp 220 KV KCN Nhơn Trạch và đầu nối.</p> <p>(2) Quyết định số 783/QĐ-EVNNPT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia Phê duyệt dự án Trạm biến áp 220KV Khu công nghiệp Nhơn Trạch và đầu nối.</p> <p>(3) Quyết định số 1349/QĐ-EVNNPT ngày 28 tháng 8 năm 2022 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia Phê duyệt Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở Công trình Trạm biến áp 220KV Khu công nghiệp Nhơn Trạch và đầu nối.</p> <p>(4) Tờ trình 167/TTr-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện có kiến nghị bổ sung, cập nhật công trình trong hồ sơ, bản đồ quy hoạch sử dụng đất 2030 huyện Nhơn Trạch.</p> <p>(5) Văn bản số 3821/STMT ngày 04/5/2024 thống nhất kiến nghị HĐND tỉnh bổ sung danh mục thu hồi năm 2024 có điều chỉnh về quy mô, địa điểm trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nhơn Trạch</p> <p>(6) Văn bản bố trí nguồn vốn: Văn bản số 11233/SPMB-PDB</p>	Hồ sơ bổ sung KHSDD đang trình duyệt

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghi quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
38	Đường dây 220V NMD Nhơn Trạch 3 - rẽ Mỹ Xuân - Cát Lái	0,67			Phước Khánh, Vĩnh Thanh	2024BS		NQ số 15/2024/NQ-HĐND và NQ số 42/NQ-HĐND ngày 15/10/2024	(1) Văn bản số 7123/UBND-KTN ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai thống nhất địa điểm và hướng tuyến đính kèm theo các bản vẽ về việc thoả thuận hướng tuyến Đường dây 220 KV NMD Nhơn Trạch 3 - rẽ Mỹ Xuân - Cát Lái. (2) Quyết định 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của Thủ tướng Chính phủ. (3) Tờ trình 167/TTr-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện kiến nghị bổ sung, cập nhật công trình trong hồ sơ, bản đồ quy hoạch sử dụng đất 2030 huyện Nhơn Trạch. (4) Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư thực hiện dự án (5) Văn bản số 3821/STMT ngày 04/5/2024 thống nhất kiến nghị HĐND tỉnh bổ sung danh mục thu hồi năm 2024 có điều chỉnh về quy mô, địa điểm trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nhơn Trạch (6) Văn bản nguồn vốn: Văn bản số 1134/EVNNPT-TCKH+ĐT ngày 01/3/2024 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	Hồ sơ bổ sung KHSDĐ đang trình duyệt
39	Dự án Chung cư Khu Nhà ở xã hội Phú Hội	2,60			Phú Hội	2024BS		(1) Công tác bồi thường: Dự án nằm trong quy hoạch chi tiết khu tái định cư Phú Hội đã hoàn thành công tác bồi thường, Ban Quản lý dự án đã hoàn thành việc thi công hạ tầng kỹ thuật nhưng chưa tiến hành nghiệm thu công trình. (2) Kế hoạch số 273/KH-UBND ngày 26/12/2023 về việc triển khai Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nhà ở công nhân, nhà ở xã hội giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Nhơn Trạch và triển khai kế hoạch số 105-KH/HU ngày 06/6/2023 của Huyện ủy. (3) Dự án đang lập hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất bổ sung để làm cơ sở đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Dự án nằm trong khu tái định cư Phú Hội đã hoàn thành công tác bồi thường	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
40	Dự án Chung cư Khu Nhà ở xã hội Phước Thiện	1,6			Phước Thiện	2024BS			(1) Khu đất nằm trong quy hoạch chi tiết 1/500 Khu tái định cư xã Phước Thiện đã được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 05/6/2014, có hiện trạng đất trống đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được Ban Quản lý dự án huyện đầu tư hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh. (2) Kế hoạch số 273/KH-UBND ngày 26/12/2023 về việc triển khai Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nhà ở công nhân, nhà ở xã hội giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Nhơn Trạch và triển khai kế hoạch số 105-KH/HU ngày 06/6/2023 của Huyện ủy. (3) Dự án đang lập hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất bổ sung để làm cơ sở đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Dự án nằm trong khu tái định cư Phước Thiện đã được giao đất
41	Dự án Bến cảng chuyên dùng Maxihub.	19,60			Phước Khánh	2024BS			1) Về chủ trương đầu tư: Dự án đã được UBND tỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 2842/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 có thời gian thực hiện dự án đến tháng 4 năm 2027, đi vào hoạt động từ tháng 5 năm 2027. Bổ sung kế hoạch sử dụng đất để lập thủ tục thuê đất theo quy định	Dự án không có thu hồi đất
E	Dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư									
42	Dự án khu đô thị du lịch Đại Phước (1)	49,81		49,81	Đại Phước	2022	x	18/2021	UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 03/8/2023. Đang triển khai thực hiện dự án theo quy định	
43	Dự án khu đô thị du lịch Đại Phước (2)	75,47		75,47	Đại Phước	2022	x	18/2021	UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 22/5/2023. Đang triển khai thực hiện dự án theo quy định	
44	Dự án Chung cư Khu Nhà ở xã hội Phước An 2,12 ha.	2,12		2,12	Phước An	2024			UBND huyện đã có Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 31/5/2023 về việc kiến nghị chấp thuận chủ trương đầu tư để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư xây dựng nhà ở xã hội. Bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2024 làm cơ sở triển khai thực hiện.	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
45	Dự án Khu Nhà ở xã hội Phước An 5,6 ha (nằm trong quy hoạch chi tiết khu tái định cư Phước An □	5,60		5,60	Phước An	2024			UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 phê duyệt sơ bộ năng lực kinh nghiệm nhà đầu tư dự án chung cư nhà ở xã hội 5,6ha xã Phước An Bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2024 làm cơ sở triển khai thực hiện theo quy định	
F	Sử dụng đất để phát triển dự án thông qua thỏa thuận và nhận quyền sử dụng đất (Điều 73 LDD 2013 tương đương Điều 127 LDD 2024)									
46	Làng đô thị giáo dục Hoa Kỳ	147,0			Phước Thiện	2022	x		Dự án tự thỏa thuận theo Điều 73 Luật đất đai 2013. Chủ đầu tư đang lập thủ tục xin thỏa thuận theo quy định (tương đương Điều 127 LDD 2024)	Số 20.11/CV-APU-2024 ngày 20/11/2024 đề xuất chuyển tiếp kế hoạch 2025
G	Dự án đã có hiện trạng, lập thủ tục giao đất									
47	Trường Tiểu học Phước An (ấp Vũng Gấm)	1,2	1,2	-	Phước An	2022	x	18/2021	Dự án đã được UBND huyện ban hành quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 29/2/2024 phê duyệt phương án bồi thường đối với 07 trường hợp với diện tích 1,18ha, đến nay đã hoàn thành công tác chi trả tiền bồi thường hỗ trợ và lập thủ tục giao đất.	
48	Mở rộng THCS Hiệp Phước	0,41	0,41	-	Hiệp Phước	2022	x	18/2021	Dự án không thực hiện công tác bồi thường, đã hoàn thành xây dựng hạ tầng, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chủ đầu tư đang lập thủ tục giao đất	
49	Khu đất tại Phú Đông do K862/Quân chủng Hải quân bàn giao địa phương theo QĐ 3964/QĐ-UBND ngày 26/10/2020.	0,07	0,07		Phú Đông	2022	x		Hộ dân đang lập thủ tục giao đất	
50	Trường THCS Long Thọ 2	1,09			Long Thọ	2017	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	Hiện trạng
51	Trường Tiểu học Long Thọ 2	1,07			Long Thọ	2017	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	Hiện trạng
52	Khu dân cư phục vụ tái định cư (Hiện hữu và mở rộng)	17,29			Phú Hội	2015	x		Đã hoàn thành công tác thu hồi, bồi thường. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	
53	Khu tái định cư Phước An	40,00			Phước An	2016	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
54	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	0,32			Hiệp Phước	2017	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	Hiện trạng, bổ sung KH để giao đất
55	Đường từ nhà máy nước Formosa đến KCN NT I	2,28			Phước Thiện	2017	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	Hiện trạng, bổ sung KH để giao đất
56	Trường Mầm non Phú Đông	0,43	0,43		Phú Đông	2015	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	Hiện trạng
57	Trường mầm non mẫu giáo Phú Thạnh	0,72	0,45		Phú Thạnh	2017	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	Hiện trạng
58	Trường mầm non Long Thọ	0,90			Long Thọ	2016	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	Hiện trạng
59	Mở rộng Trường tiểu học Phước Khánh	0,16			Phước Khánh	2016	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	Hiện trạng
60	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	0,04			Phước Khánh	2016	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	Hiện trạng
61	Trường mầm non Phước Long	0,05			Long Thọ	2023B S	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	
62	Mở rộng trường Tiểu học Phú Đông	0,45	0,45		Phú Đông	2020	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	Hiện trạng
63	Trường MN Đại Phước	0,58	0,58		Đại Phước	2020	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	Hiện trạng
64	Trường TH Phước Khánh	0,98			Phước Khánh	2020	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	Hiện trạng
65	Trường MN Phước Long	0,12			Long Thọ	2023B S	x		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy	
66	Trạm biến áp 110KV KCN Ông Kèo và Đường dây đầu nối	1,30	1,30		Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	2017	x		Công trình hoàn thành và thực hiện đóng điện vào ngày 24/10/2013. Chủ đầu tư đang lập thủ tục giao đất	
67	Trung tâm Văn hoá thể thao xã Vĩnh Thanh	0,49		0,49	Vĩnh Thanh	2024			Đã hoàn thành công tác bồi thường và xây dựng. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất 2024 để lập thủ tục giao đất	
68	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Phú Thạnh kết hợp NVH ấp 2	0,32	0,32		Phú Thạnh	2024			Đã hoàn thành công tác bồi thường và xây dựng. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất 2025 để lập thủ tục giao đất	
69	Thiền viện Hương Nghiêm	0,54		0,54	Phú Đông	2024			Hiện trạng đang sử dụng. Chủ đầu tư đang làm thủ tục giao đất. Bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2024 làm cơ sở giao đất	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
70	TBA110kV dẹt may và nhánh rẽ	0,63	0,63		Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân, Phú Hội, Phước An	2024			Đã hoàn thành công tác bồi thường và xây dựng. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất 2024 để lập thủ tục thuê đất	
II	Công trình đăng ký năm 2025									
A	Dự án đã có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ									
1	Khu đô thị du lịch Long Tân	332			Long Tân, Phú Thạnh	2025			Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại văn bản số 1310/TTg-CN ngày 01/9/2017	VB số 280/DIC Group-BQLĐN ngày 26/9/2024 vv đăng ký nhu cầu.
2	Khu dân cư xã Long Tân (Công ty CP Free land)	124,47			Long Tân	2025			Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại văn bản số 911/QĐ-TTg ngày 22/6/2017	VB số 9645/UBND-TN ngày 12/11/2024 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc triển khai dự án KDC tại xã Long Tân do công ty Free Land làm chủ đầu tư
B	Dự án đã được xác định trong kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất									
3	Khu công nghiệp Phước An (Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An)	330		21,45	Phước An	2025			VB số 8945/UBND-TN ngày 22/10/2024 của UBND huyện Nhơn Trạch vv xử lý kiến nghị của Công ty CP Dầu khí Đầu tư Khai thác cảng Phước An	VB1572/PAP-QLDA ngày 15/10/2024 của Công ty CP Dầu khí Đầu tư Khai thác cảng Phước An
4	Khu dân cư Hiệp Phước (DIC)	21,55	19,37	2,18	Hiệp Phước	2025			Đã giao đất 19,37 ha, còn lại 2,18 ha chưa hoàn thành công tác bồi thường	Đủ điều kiện, đang trình HĐND thông qua danh mục đất trồng lúa

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
5	Dự án khu dân cư tại thị trấn Hiệp Phước (Công ty Thăng Long Home - Hiệp Phước)	9,81	####	0,96	Hiệp Phước	2025		144/2015	(1) Ve chứng nhận đầu tư: Chứng nhận đầu tư số 47121000193 ngày 20/3/2009; Điều chỉnh lần 1 ngày 28/11/2011; lần 2 ngày 12/2/2014; lần 3 ngày 16/6/2014; Điều chỉnh thay đổi lần 4 ngày 26/7/2017 số 2461475605; thay đổi lần 5 ngày 26/4/2018; Điều chỉnh lần 6: Quyết định 3552/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 về điều chỉnh chủ trương đầu tư đến năm 2025. (2) Về giao đất: Dự án đã được UBND tỉnh giao đất giai đoạn 1 và giai đoạn 2 với diện tích 8,877ha tại Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 và Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 13/3/2019. Phần diện tích còn lại 0,963 ha UBND huyện đã ban hành thông báo thu hồi đất số 368/TB-UBND đến số 381/TB-UBND ngày 16/7/2019. Trung tâm Phát triển quỹ đất đang kiểm đếm hiện trạng đối với 27 hộ. Bổ sung Kế hoạch 2024 để triển khai thực hiện công tác bồi thường xây dựng theo quy định.	VB số 49/2024/HPC-PLDA ngày 31/10/2024 của Công ty TNHH MTV Thăng Long Hiệp Phước đăng ký nhu cầu
6	Khu dân cư Phú Hữu (Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia)	56,00		56,00	Phú Hữu	2025			Diện tích đất lúa 17,47 ha; đã hoàn thành công tác thu hồi đất 35,91 ha, dự kiến thu hồi trong năm 2025 và 7 ha. VB số 15-11/2024/CV-PHG ngày 15/11/2024 vv đăng ký nhu cầu. (1) Văn bản số 9723/UBND-CNN ngày 12/11/2013 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư (2) Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 23/4/2024 của UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đến tháng 7/2027 (3) Nguồn vốn: Vốn Doanh nghiệp chủ đầu tư	Đủ điều kiện, đang trình HĐND thông qua DM thu hồi đất
7	Khu dân cư Phước An (Công ty CP Đệ Tam)	49,29	36,99	10,30	Phước An	2025			Văn bản số 79/2024/CV-PĐT/DTA ngày 15/11/2024 của Công ty Cổ phần Đệ Tam đăng ký nhu cầu. Đã giao đất đợt 1 36,99 ha năm 2010, còn lại 10,30 ha chưa bồi thường	Xin ý kiến

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
8	Cảng tổng hợp tại xã Phước Khánh (Công ty Phúc Thành)	8,89			Phước Khánh	2025			<p>1. Văn bản gia hạn thỏa thuận địa điểm số 10587/UBND-ĐT ngày 05/12/2013 của UBND tỉnh gia hạn thỏa thuận tại Văn bản số 2987/SKHĐT-KTN ngày 20/11/2015.</p> <p>Chủ đầu tư đang lập chủ trương đầu tư và Sở Kế hoạch và Đầu tư có Báo cáo số 778/BC-KHĐT ngày 24/10/2024 kiến nghị UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án với diện tích 8,89 ha.</p> <p>2. Dự án đã hoàn thành công tác bồi thường tại Văn bản số 6587/UBND-TN ngày 10/10/2018, chưa được UBND tỉnh giao đất. Chủ đầu tư đang lập phương án sử dụng tầng đất mặt.</p> <p>3. Quyết định số 4642/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đánh giá tác động Môi trường.</p>	CV đăng ký nhu cầu sử dụng đất số 99/CV, đủ điều kiện, đang trình HĐND thông qua danh mục đất trồng lúa
9	Công ty Cổ phần Thương mại xi măng Đại Dương (trạm nghiền xi măng)	12,92			Phước Khánh	2025			<p>VB 14289/UBND-KTN ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh về việc xử lý kiến nghị của Công ty Cổ phần Thương mại xi măng Đại Dương xin thuê lại đất của Công ty Tín Nghĩa trong KCN Ông Kèo</p>	
10	Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất kinh doanh tại KCN Ông Kèo do Công ty Cổ phần Cơ khí - Xây dựng Giao thông làm chủ đầu tư	27,67			Phước Khánh	2025			<p>(1) Về chủ trương đầu tư: Tổng diện tích dự án 50,56ha. Ngày 07/11/2018, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ nhất, thời hạn thực hiện dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2014; chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 23/11/2023 thời gian hoạt động 50 năm kể từ ngày 28/5/2014, dự kiến đi vào hoạt động tháng 12/2025.</p> <p>(2) Về công tác bồi thường, bàn giao mặt bằng: UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường tại QĐ số 3924/QĐ.UBND ngày 08/11/2005; UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường 2931/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 và Quyết định số 6436/QĐ-UBND ngày 24/9/2018. Dự án đã bồi thường 38/40 hộ còn lại 02 hộ chưa nhận tiền với diện tích khoảng 5,1ha trong đó có 01 hộ vắng chủ và 01 hộ chưa nhận tiền theo báo cáo số 328/BC-TTPTQĐ ngày 11/9/2023. Đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư khoảng 46,6ha.</p> <p>(3) Về giao đất: Ngày 13/4/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định giao đất số 881/QĐ-UBND với diện tích 22,89ha. phần diện tích còn lại 27,67 chủ đầu tư đang lập thủ tục thuê đất.</p> <p>Bổ sung kế hoạch sử dụng đất để lập thủ tục giao đất theo quy định.</p>	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
11	XDM đoạn đường dây 110kV bốn mạch đầu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành – Nhơn Trạch 5, Long Thành – Hyosung	0,08				2025			Văn bản số 2180/UBND-KTN ngày 5/3/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến công trình xây dựng mới đoạn đường dây 110kV bốn mạch đầu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành – Nhơn Trạch 5, Long Thành – Hyosung.- Quyết định số 1215/QĐ-PCĐN ngày 25/6/2024 của Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai về việc phê duyệt BCKTKT đầu tư xây dựng công trình. Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 – Phụ lục XII: Phương án phát triển mạng lưới cấp điện tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 –2030, tầm nhìn đến năm 2050.- Quyết định số 862/QĐ-TTg ngày 16/8/2024 về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp).	
12	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110kV công nghệ cao				Phước Thiề	2025			Văn bản thỏa thuận của tỉnh số 14192/UBND-CNN ngày 24/12/2018.- Văn bản thỏa thuận điều chỉnh cục bộ hướng tuyến số 12255/UBND-KTN ngày 13/10/2020.- Văn bản thỏa thuận của tỉnh số 5496/UBND-KTN ngày 21/5/2021 về việc chấp thuận chuẩn xác lại tọa độ 04 vị trí trụ- Quyết định phê duyệt TKBVTC số 1270/QĐ-PCĐN ngày 21/6/2021.- Quyết định số 862/QĐ-TTg ngày 16/8/2024 về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp).	
13	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV mạch kép Long Thành - Mỹ Xuân				Hiệp Phước	2025			- Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 – Phụ lục II: Phương án phát triển mạng lưới cấp điện tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.- Quyết định số 862/QĐ-TTg ngày 16/8/2024 về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp).	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
14	Tuyến đường kết nối vào cảng Phước An (đoạn từ nút giao với tuyến đường 319 đến nút giao đường với Cao tốc Bến Lức Long Thành)	0,22			Long Thọ	2025			(1) Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt dự án tuyến đường kết nối vào cảng Phước An đoạn từ nút giao với tuyến đường 319 đến nút giao đường với Cao tốc Bến Lức Long Thành. (2) Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc phòng an ninh và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 (3) Thông báo số 915/TB-SKHĐT ngày 12/12/2023 về chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2024.	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
15	Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Long Tân do Công ty TNHH Sudico Miền Nam làm chủ đầu tư □	65,00		23,44	Long Tân	2025			<p>(1) Về chủ trương đầu tư: Tổng diện tích dự án 65ha. Dự án chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 3679/QĐ-UBND ngày 26/10/2005; Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2011. Ngày 12/9/2019 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2864/QĐ-UBND về việc điều chỉnh chủ đầu tư, thời gian, tổng mức đầu tư, thời gian và tiến độ thực hiện từ 2008 đến 2021. Ngày 16/01/2024 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ 2 trong đó điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đến hết tháng 7 năm 2025 với tổng mức đầu tư dự kiến 3.902.448.291.172 đồng</p> <p>(2) Về công tác bồi thường Ngày 22/9/2006, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định thu hồi đất số 8784/QĐ-UBND với diện tích khoảng 650.521,9 m², điều chỉnh diện tích thu hồi từ 650.521,9m² “thành” 430.149,9 m² (trong đó có 30.292,9 m² đất sông rạch) tại Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 10/6/2009. Năm 2009 UBND huyện ban hành 137 quyết định thu hồi đất cá nhân - Ngày 23/11/2009, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3488/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng khu dân cư Long Tân, tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch với tổng số 119 hộ, với diện tích 379.043m². - Ngày 23/01/2013 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 319/QĐ-UBND về việc Điều chỉnh Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 23/11/2009 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng khu dân cư Long Tân, tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch (trong đó điều chỉnh số hộ đã nhận tiền bồi thường và diện tích phê duyệt từ 379.043m² “thành” 229.121m², điều chỉnh số hộ từ 119 hộ “thành” 84 hộ) còn lại 35 hộ với diện tích còn lại chủ đầu tư tự thoả thuận với hộ dân theo Văn bản số 7764/UBND-KT ngày 08/10/2012 của UBND tỉnh</p>	Đủ điều kiện, đang trình HĐND thông qua DM đất trồng lúa

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
16	Khu chợ và khu dân cư Dân Xuân	4,57			Hiệp Phước	2025		144/2015	(1) Về chủ trương đầu tư: UBND tỉnh cấp Giấy CNĐT số 47121000277 ngày 15/9/2010. UBND tỉnh có văn bản số 2209/UBND-CNN ngày 09/03/2018 chấp thuận gián tiến độ dự án đến 12/2018; Ngày 28/9/2023 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2321/QĐ-UBND điều chỉnh chủ trương đầu tư lần 2 đến năm 2027. (2) Về giao đất: Đã giao đất giai đoạn 1 với diện tích 13,7ha tại quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 15/11/2013 của UBND tỉnh. Phần diện tích còn lại khoảng 4,57ha đã ban hành thông báo và đang lập thủ tục bồi thường theo quy định. Bổ sung Kế hoạch 2024 để triển khai thực hiện công tác bồi thường xây dựng theo quy định.	Đủ điều kiện, đang trình HĐND thông qua DM đất lúa, rừng CMTĐ
17	Bến thủy nội địa xã Phú Thạnh	4,55			Phú Thạnh	2025			(1) Quyết định chủ trương đầu tư số 2480/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai và được điều chỉnh tại Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 16/9/2024. (2) Phương án sử dụng tầng đất mặt số 01/2024/CA/PASDTĐM ngày 26/9/2024 của Công ty CP Khai thác Cảng Châu Âu. (3) Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 192/GXN-STNMT ngày 26/6/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường.	Đủ điều kiện, đang trình HĐND thông qua danh mục đất trồng lúa
C	Dự án đã có hiện trạng, lập thủ tục giao đất									
18	Trường mầm non Nhơn Nghĩa	1,27	1,27	-	Phú Hội	2025			Hiện trạng, đănng ký KHSDĐ 2025 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận	VB số 9773/UBND-TN ngày 14/11/2024 của UBND huyện vv đăng ký KH2025
19	Chùa Pháp Thường	3,33	3,33	-	Phú Đông	2025			Đăng ký nhu cầu để xin giao đất	VB số 9775/UBND-TN ngày 14/11/2024 của UBND huyện vv đăng ký KH2025

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự án(ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đăng ký KH (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KH	Dự án quá 02 năm	Số Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
20	Trạm biến áp 110 kV KCN Ông Kèo và đầu nối	1,28			Xã Vĩnh Thanh, Phú Thạnh.	2025			Quyết định thu hồi đất tổng thể số 3303/QĐ-UBND ngày 05/10/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai.- Quyết định số 862/QĐ-TTg ngày 16/8/2024 về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp). (Công trình này đã đóng điện, đăng ký KH SDD để thực hiện thủ tục thuê đất)	
21	Đường dây 110 kV Long Thành - Nhơn Trạch	1,21			Thị trấn Hiệp Phước, xã Phước Thiện, Phú hội, Long Tân, Phú Thạnh	2025			- Quyết định số 137/QĐ-UBND 17/01/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai để xây dựng công trình Đường dây 110 kV Long Thành - Nhơn Trạch.- Quyết định số 862/QĐ-TTg ngày 16/8/2024 về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp). (Công trình này đã đóng điện, đăng ký KH SDD để thực hiện thủ tục thuê đất)	
22	TBA 110kV Nhơn Trạch và đường dây đầu nối (nay là TBA 110kV Phú Thạnh)	0,52			Phú Thạnh	2025			- Quyết định giao đất số 3253/QĐ-UBND ngày 03/12/2010.- Quyết định số 862/QĐ-TTg ngày 16/8/2024 về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp). (Công trình này đã đóng điện, đăng ký KH SDD để thực hiện thủ tục thuê đất)	
23	TBA 110kV Dệt May và nhánh rẽ	0,63			Hiệp Phước, Phước Thiện, Phước An, Phú Hội, Long Tân	2025			- Quyết định thu hồi đất tổng thể số 336/QĐ-UBND ngày 06/02/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai.- Quyết định số 862/QĐ-TTg ngày 16/8/2024 về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp).(Công trình này đã đóng điện, đăng ký KH SDD để thực hiện thủ tục thuê đất)	